

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **82/2021/DS-ST**
Ngày: 04 - 6 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản (bưởi)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xươngne.

Ông Thiều Hoàng Mới.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (bưởi), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông P. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2.2. Bà L. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông P trình bày: Vào ngày 22/12/2018 âm lịch (nhằm ngày 27/01/2019) ông P có bán bưởi cho ông T với số tiền là 32.300.000đồng, ông T có hứa là vào ngày 27/12/2018 âm lịch (nhằm ngày 01/02/2019) sẽ trả đủ cho ông P số tiền này, nhưng đến hạn ông T không trả tiền cho ông P. Việc ông T nợ tiền mua bưởi của ông P thì vợ ông T là bà L biết, mục đích ông T mua bưởi của

ông P là để bán lại lấy lợi nhuận phục vụ chi tiêu trong gia đình. Ông P đã nhiều lần đến gặp ông T để yêu cầu trả tiền, khi qua nhà ông T thì ông P có gặp cha ông T là ông D, ông D có hứa là vào ngày 19/02/2019 nếu ông T không trả tiền cho ông P thì ông D sẽ bán mảnh vườn của ông D để trả tiền cho ông P, nhưng kể từ đó cho đến nay ông D và ông T vẫn không trả tiền cho ông P. Việc mua bán bưởi giữa ông P và ông T chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có lập văn bản.

Tại biên bản lấy khai ngày 23/4/2021, ông T cũng đã thừa nhận việc vợ chồng ông T, bà L có nợ của ông P số tiền mua bưởi là 32.300.000đồng và cũng đồng ý trả cho ông P số tiền này, nhưng ông T xin được trả dần số tiền này với mức 2.000.000đồng/tháng đến khi dứt nợ, thời điểm bắt đầu trả là từ ngày 23/8/2021 vì ông T cho rằng hiện nay ông T cũng còn nợ nhiều người khác, chưa có khả năng trả nợ liền cho ông P. Về việc ông T xin cho vợ chồng ông T, bà L trả nợ dần này thì ông P không đồng ý vì vợ chồng ông T, bà L nợ tiền của ông P đã lâu, nếu còn tiếp tục trả nợ dần thì sẽ thiệt thòi cho quyền lợi của ông P. Ông P yêu cầu vợ chồng ông T, bà L phải trả nợ cho ông P trong một lần.

Đối với việc tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2021 ông P có nêu tên ông D tại mục người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là do khi ông P sang đòi nợ thì ông D có nói là nếu vợ chồng ông T, bà L không trả nợ thì ông D sẽ bán đất trả nợ cho ông P (việc này ông D chỉ nói miệng cũng không có làm giấy tờ gì) chứ thật ra việc hợp đồng mua bán bưởi cũng như nợ tiền mua bưởi chỉ là mối quan hệ giữa ông P với vợ chồng ông T, bà L và trách nhiệm trả nợ cũng là của vợ chồng ông T, bà L chứ không liên quan gì đến ông D. Ông P cũng đồng ý với việc Tòa án không đưa ông D vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nữa.

Nay ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà L trả số tiền mua bưởi còn nợ là 32.300.000đồng.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T trình bày:* Ông T thừa nhận có nợ của ông P tiền mua bưởi là 32.300.000đồng theo như lời trình bày của ông P trong đơn khởi kiện là đúng. Lúc đầu ông T đồng ý trả cho ông P số tiền nợ này nhưng có xin ông P cho trả dần số tiền nợ này với mức 2.000.000đồng/tháng đến khi dứt nợ nhưng ông P không đồng ý nên ông T mới nói là ông P cứ giữ của ông T hàng tháng 2.000.000đồng đi đến khi gần đủ số tiền nợ thì ông P khai ra để trừ nợ nhưng ông P cũng không đồng ý, ông T mới nói là nếu ông P không đồng ý nhận của ông T hàng tháng 2.000.000đồng thì ông T sẽ lấy tiền trả nợ cho người khác thì ông P nói là ông T cứ lấy tiền trả nợ cho người khác đi chứ ông P không chịu nhận hàng tháng 2.000.000đồng.

Nay ông T cũng đồng ý trả cho ông P số tiền nợ 32.300.000đồng, nhưng xin được trả dần số tiền này với mức 2.000.000đồng/tháng đến khi dứt nợ, thời điểm bắt đầu trả là từ ngày 23/8/2021 vì hiện nay ông T cũng còn nợ nhiều người khác, chưa có khả năng trả nợ liền cho ông P.

Việc nợ tiền mua bán bưởi của ông P với số tiền nợ 32.300.000đồng này vợ ông T là bà L biết rõ vì việc mua bán bưởi với ông T thì bà L có tham gia và bà L cũng có vài lần gặp ông P để xin trả dần số tiền nợ nhưng ông P đều không đồng ý.

Hiện nay, vợ chồng ông T, bà L có đăng ký kết hôn và chung sống tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; lợi nhuận phát sinh từ việc mua bán bưởi vợ chồng ông T, bà L cùng sử dụng để phục vụ cho mục đích chi tiêu, sinh hoạt chung của gia đình.... nên trách nhiệm trả nợ ông P là của chung 02 vợ chồng. Các văn bản tố tụng, giấy tờ của Tòa án cứ gửi cho cha ông T là ông D nhận thay, ông D sẽ liên lạc qua điện thoại báo nội dung cho vợ chồng ông T, bà L về tham gia tố tụng, vì vợ chồng ông T, bà L đi chạy xe thuê cho người ta ít khi có mặt ở nhà. Việc nợ tiền mua bán bưởi của ông P với số tiền nợ 32.300.000đồng này không liên quan gì đến ông D, còn việc ông D hứa bán đất trả nợ thay cho ông T là ông T không đồng ý vì trách nhiệm trả nợ là của vợ chồng ông T, bà L chứ không phải của ông D, việc hứa hẹn cũng chỉ nói miệng cũng không có làm giấy tờ gì.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà L trình bày:*
Bà L thống nhất với lời trình bày nêu trên của chồng bà là ông T và không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông P, giải quyết buộc ông T và bà L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số tiền mua bưởi còn nợ là 32.300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số tiền mua bưởi còn nợ là 32.300.000đồng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (bưởi) là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn ông T và bà L cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, ông P, ông T và bà L thống nhất thừa nhận giữa các bên có thỏa thuận với nhau việc mua bán bưởi và hiện nay ông T và bà L còn nợ ông P số tiền mua bưởi là 32.300.000đồng, ông T và bà L cũng đồng ý trả toàn bộ số tiền còn nợ này cho ông P. Sự thừa nhận này của ông T

và bà L là các tình tiết, sự kiện mà ông P không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông T và bà L có thỏa thuận mua bù nợ của ông P và hiện nay ông T và bà L còn nợ ông P số tiền mua bù 32.300.000đồng là sự thật, nên ông T và bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền còn nợ này theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, ông P không yêu cầu ông T và bà L phải trả tiền lãi đối với số tiền mua bù còn nợ là 32.300.000đồng, đây là sự tự nguyện của ông P và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[5] Về việc ông P yêu cầu ông T và bà L trả số tiền còn nợ 32.300.000đồng cho ông P trong một lần cũng như việc ông T và bà L yêu cầu được trả dần số tiền còn nợ 32.300.000đồng cho ông P kể từ thời điểm ngày 23/8/2021 với mức 2.000.000đồng/tháng đến khi dứt nợ thì Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền còn nợ này theo phương thức nào (một lần hay hàng tháng) là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau tại giai đoạn thi hành án.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông T và bà L phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số tiền mua bù còn nợ là 32.300.000đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Ông P không phải chịu án phí sơ thẩm; ông T và bà L phải cùng chịu án phí sơ thẩm tương ứng trên số tiền phải trả cho ông P là $32.300.000\text{đồng} \times 5\% = 1.615.000\text{đồng}$ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 430, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

Buộc ông T và bà L phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số tiền mua buổi còn nợ là 32.300.000đồng (*Ba mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông P đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông T và bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông P không phải chịu án phí sơ thẩm. Ông T và bà L phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 1.615.000đồng (*Một triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (03);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt